TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-PT
Ngày 26 - 12 - 2025
V/v Xin ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Bùi Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà**:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2025/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – C, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1976 (có mặt)

CCCD số: 096076001535, cấp ngày 29/12/2022.

Địa chỉ cư trú: Đường N19 khu đô thị Bạch Đằng, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Mai, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 294, đường Tôn Đức Thắng, khóm 4, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều Quyên, sinh năm 1977 (có mặt)

CCCD số: 096177007345, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Đường N19 khu đô thị Bạch Đằng, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trụ sở chính: Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đất Mũi (nay là chi nhánh Cà Mau), số 05 đường An Dương Vương, khóm 4, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1954; CCCD số: 096154008014, cấp ngày 09/8/2021.

Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1952; CCCD số: 096052003278, cấp ngày 14/8/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 52/3 đường Lâm Thành Mậu, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Số 52/3 đường Lâm Thành Mậu, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) (có mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1961; CCCD số: 082061010975, cấp ngày 07/6/2022; Địa chỉ cư trú: Số 52/14 đường Lâm Thành Mậu, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) (có mặt)

4. Bà Trần Bích T, sinh năm 1965; CCCD số: 096165005866, cấp ngày 24/02/2025; Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau).

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1945; CCCD số: 096145002489, cấp ngày 02/12/2022; Địa chỉ cư trú: Số 238, khóm 30, phường A, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Quách Văn S, sinh năm 1977; CCCD số: 096077005630, cấp ngày 08/7/2022; Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về hôn nhân:* Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q chung sống với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo ông B, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Hiện tại ông B xác định không còn tình cảm với bà Q nên ngày 12/02/2024 ông và bà Q đã không còn chung sống với nhau nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q. Đối với bà Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình nên bà Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

- *Về con chung:* Ông B, bà Q xác định có 02 người con chung tên Trần Hoàng Nam, sinh ngày 29/8/2006 bị khuyết tật và Trần Anh Khôi, sinh ngày 15/11/2011, hiện 02 con đang sống chung với bà Q. Nay bà Q và ông B thống nhất giao 02 người con chung cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 người con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà Q yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông B cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng/01 con và bà Q còn yêu cầu ông B phải trả lại chi phí cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử là 19 tháng x 4.000.000 đồng x 2 người con = 152.0000.000 đồng, chia đôi ông B phải trả lại cho bà số tiền là 76.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Ông B, bà Q xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có các tài sản chung gồm:

1/ Căn nhà cấp 4 cất trên phần đất thổ cư diện tích 108m^2 thuộc thửa số 258, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại đường N19, khu đô thị Bạch Đằng, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên ông B, bà Q đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Hiện ông B, bà Q thống nhất giá trị căn nhà và đất là 1.100.000.000 đồng, ông bà thống nhất chia đôi nợ Ngân hàng và ông B đồng ý chia đôi số tiền bà Q đã thanh toán tiền lãi Ngân hàng từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử. Đồng thời, ông B thống nhất giao bà Q quản lý nhà và bà Q giao lại cho ông B ½ giá trị căn nhà.

3. Phần đất nông nghiệp diện tích 100m^2 thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau). Hiện nay ông B đang quản lý phần đất và ông B có thế chấp vay tiền của ông Quách Văn S nhưng ông B xác định đây là nợ riêng của ông. Nay ông B, ông S thống nhất tự thỏa thuận nợ không yêu cầu bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Sil. Ngoài ra, ông B và bà Q thống nhất giá trị phần đất này là 100.000.000 đồng, giao đất cho ông B quản lý và bà Q nhận 50% giá trị đất.

3/ Phần đất trồng lúa có diện tích khoảng 02 công tầm lớn tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) trị giá khoảng 120.000.000 đồng do ông B, bà Q nhận chuyển nhượng từ bà Trần Bích T từ năm 2010. Hiện nay ông B đang quản lý, canh tác trồng lúa trên phần đất. Phần đất trên ông B và bà Q chưa làm thủ tục chuyển nhượng, tách sổ. Ông B, bà Q thống nhất giao phần đất này cho ông B quản lý, ông B tự làm các thủ tục chuyển nhượng với bà Thuận nên ông B có trách nhiệm giao lại bà Q số tiền 60.000.000 đồng.

- *Về nợ chung:* Ông B, bà Q thừa nhận các khoản nợ chung:

1/ Năm 2019 ông, bà có vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đất Mũi số tiền 800.000.000 đồng, tính đến ngày 19/9/2025 còn nợ lại tổng số tiền là 601.624.539 đồng (trong đó, nợ vốn là 566.200.000 đồng, nợ lãi là 34.767.428 đồng). Khi ly hôn ông, bà đồng ý chia đôi khoản nợ Ngân hàng và ông B thống nhất trả ½ số tiền 300.812.270 đồng và ½ số tiền bà Q đã đóng lãi Ngân hàng từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử.

2/ Khoản nợ của bà Nguyễn Thị S (mẹ ông B) là 05 chỉ vàng 24K, ông B, bà Q thống nhất chi đôi mỗi người trả cho bà Sện 2,5 chỉ vàng 24K.

- Ngoài ra bà Q xác định vợ chồng còn có các khoản nợ như sau:

1/ Năm 2010 ông, bà có mượn bà Phạm Thị Ngọc L (mẹ bà Q) số tiền 40.000.000 đồng để mua phần đất 02 công tầm lớn ở huyện T, tỉnh Cà Mau nên bà Q yêu cầu chia đôi số nợ. Ngoài ra bà Q cho rằng ông B còn mượn riêng của bà L số tiền 20.000.000 đồng nên cá nhân ông B có trách nhiệm tự trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà L.

2/ Năm 2016 ông, bà có mượn ông Nguyễn Văn H (cha bà Q) số tiền 20.000.000 đồng để mua phần đất ở phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên bà Q yêu cầu chia đôi số nợ.

3/ Năm 2021 ông, bà mượn ông Nguyễn Thanh Q (chú của bà Q) số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC nên bà Q yêu cầu chia đôi số nợ.

Các khoản nợ trên đều không có biên nhận nợ, chỉ thỏa thuận miệng. Bà Q cho rằng nguyên nhân do những người này là người thân của bà nên tin tưởng cho vợ chồng bà mượn, không có viết giấy nhận nợ. Nay bà Q yêu cầu chia đôi các khoản nợ này. Tuy nhiên, ông B không thừa nhận có mượn tiền hay vàng của bà L, ông H, ông Q nên ông không đồng ý có trách nhiệm cùng bà Q trả nợ.

***- Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2025, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:** Vào ngày 24/4/2019 Ngân hàng và ông B, bà Q có ký hợp đồng tín dụng số 61/2019, vay số tiền 800.000.000 đồng. Tính đến ngày 19/9/2025 ông B, bà Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 601.624.539 đồng (trong đó: nợ vốn là 566.200.000 đồng, nợ lãi là 35.424.539 đồng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà Q cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông B, bà Q không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số 258, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại đường N19, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau), theo hợp đồng thế chấp số 61/2019/12363276/HĐBĐ ngày 24/4/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông B, bà Q thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, theo đó giao bà Q quản lý căn nhà, đất và bà Q có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ Ngân hàng. Đối với trường hợp này Ngân hàng thống nhất chỉ yêu cầu bà Q có trách nhiệm thanh toán nợ Ngân hàng.

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào khoảng năm 2021 ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q có hỏi ông mượn tiền nhưng ông không có tiền nên ông giao phần đất tọa lạc tại đường Võ Văn Tần, khu Licogi, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông B, bà Q bán. Vài tháng sau thì ông B, bà Q đến đưa hợp đồng chuyển nhượng cho ông ký với giá chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng, người nhận chuyển nhượng chuyển tiền cho bà Q, ông hoàn toàn không nhận khoản tiền nào. Sau đó vài tháng,

ông B và bà Q tiếp tục hỏi mượn ông 01 lượng vàng SJC, ông B là người trực tiếp đến gặp ông để nhận vàng. Nay ông yêu cầu ông B và bà Q cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC, không yêu cầu lãi.

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Ngọc L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào khoảng năm 2010 bà có cho con gái và con rể là bà Q và ông B mượn số tiền 40.000.000 đồng để mua phần đất 02 công tầm lớn tại xã Tân Lộc, huyện T, tỉnh Cà Mau và sau đó bà có cho ông B mượn riêng 20.000.000 đồng. Do là con trong nhà nên khi ông B, bà Q hỏi mượn thì bà đưa tiền chứ không có viết giấy nợ và cũng không có tính lãi. Nay bà yêu cầu ông B, bà Q phải trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu ông B trả cho bà khoản mượn riêng là 20.000.000 đồng.

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào khoảng năm 2016 ông có cho bà Q và ông B là con gái và con rể mượn 20.000.000 đồng, lúc mượn ông có nghe bà Q và ông B nói mục đích là để mua đất. Từ khi mượn đến nay ông B và bà Q không có trả được khoản nào. Nay ông yêu cầu ông B và bà Q cùng có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông.

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/202, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:* Năm 2019, do khó khăn nên ông B, bà Q có mượn của bà 01 lượng vàng 24K, do là con và con dâu trong gia đình nên bà cho mượn không lấy lãi và cũng không ghi biên nhận. Đến năm 2022, ông B, bà Q có trả cho bà 05 chỉ vàng 24K, hiện nay còn nợ lại 05 chỉ vàng 24K. Nay bà yêu cầu ông B, bà Q trả cho bà 05 chỉ vàng 24K.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/5/2025, bà Trần Bích T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Khoảng năm 2020, bà có cố phần đất cho ông B, bà Q với diện tích 02 công, tọa lạc tại ấp 8, xã Tân Lộc, huyện T, tỉnh Cà Mau với giá 30.000.000 đồng, sau đó thì bán lại cho ông B, bà Q. Hiện nay phần đất vẫn còn nằm chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha bà là ông Trần Văn Màu đứng tên. Nay do bà bận công việc, đi lại khó khăn và phần đất đã chuyển nhượng cho ông B, bà Q không còn liên quan đến bà nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/6/2025, ông Quách Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 26/5/2020 ông B có thế chấp phần đất nông nghiệp diện tích 100m^2 thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 12 cho ông để vay số tiền 70.000.000 đồng. Hiện nay ông không có tranh chấp với ông B về phần đất này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, việc thế chấp ông sẽ tự thỏa thuận với ông B, không liên quan đến bà Q.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 – C, tỉnh Cà Mau đã Quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn B với bà Nguyễn Thị Kiều Quyên.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Hoàng Nam, sinh ngày 29/8/2006 bị khuyết tật và Trần Anh Khôi, sinh ngày 15/11/2011 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng đến khi các cháu có đủ năng lực hành vi dân sự. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm xong khoản theo quy định. Ông Trần Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kiều Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn B không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận các đương sự cụ thể:

Giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và phần đất có diện tích 108m^2 thuộc thửa số 258, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại đường N19, khu đô thị Bạch Đằng, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L) cho bà Q quản lý, sử dụng. Bà Q có nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị căn nhà, đất cho ông B sau khi đã đối trừ 300.812.270 đồng khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam; đối trừ 53.087.000 đồng khoản tiền bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng từ tháng 3/2024 và 76.000.000 đồng chi phí nuôi con trước khi ly hôn. Bà Q có trách nhiệm trả cho ông B số tiền 120.100.000 đồng.

Giao phần đất nông nghiệp có diện tích 100m^2, thuộc thửa số 114, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) cho ông B quản lý, sử dụng. Ông B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Q 50% giá trị phần đất là 50.000.000 đồng.

Giao phần đất trồng lúa có diện tích khoảng 02 công tầm lớn tọa lạc tại xã Tân Lộc, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tân Lộc, tỉnh Cà Mau) cho ông B cho ông B quản lý, sử dụng. Ông B có trách nhiệm hoàn lại cho bà Q số tiền 60.000.000 đồng.

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam tính đến ngày 19/9/2025 số tiền là 601.624.539 đồng (trong đó: nợ vốn 566.200.000 đồng, nợ lãi 35.424.539 đồng) và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/9/2025 bà Nguyễn Thị Kiều Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam phải trả cho bà Nguyễn Thị Kiều Q bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 314540 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 04/4/2019 cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Q phải có trách nhiệm giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 314540 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 04/4/2019 cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định trong trường hợp bà Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% đối với số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC cho ông Q .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc L. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% đối số tiền 60.000.000 đồng cho bà L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% số tiền 20.000.000 đồng cho ông H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S: Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% số nợ 05 chỉ vàng 24K cho bà Sện.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/10/2025 ông Trần Văn B kháng cáo với nội dung không đồng ý thanh toán số tiền cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/đứa; phần nợ vay của ông Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Ngọc L là do bà Nguyễn Thị Quyên vay tiêu sài cá nhân ông không biết nên không đồng ý trả nợ chung với bà Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 1- C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn B thay đổi nội dung kháng cáo, ông Trần Văn B đồng ý nội dung bản án sơ thẩm buộc ông cấp dưỡng 4.000.000 đồng đối với con ông từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử là 19 tháng, không yêu cầu xem xét phần này. Đối với các khoản nợ ông không vay, không biết nên không có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Ngọc L.

Do ông Trần Văn B rút kháng cáo đối với số tiền chi phí nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử là 19 tháng nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[2] Xét kháng cáo về nợ chung: Ông Trần Văn B không thừa nhận nợ ông Nguyễn Thanh Q số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC; nợ bà Phạm Thị Ngọc L số tiền 40.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Thanh Hiệp số tiền 20.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định "mặc dù quá trình giao dịch các đương sự không có biên nhận nợ. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2023 của vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 539/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 chính ông B thừa nhận *"Về phần nợ chung: Ông thống nhất vợ chồng có nợ ...của bà Phạm Thị Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Thanh Q số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC... Khi ly hôn, ông B yêu cầu được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Ngoài ra tại biên bản làm việc với ông Châu Quốc Khải và bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên là người đã nhận chuyển nhượng phần đất của ông Q đều thừa nhận sau khi chuyển nhượng đất từ ông Q , ông Khải và bà Q đã chuyển tiền vào tài khoản cho bà Q. Đồng thời, ông B biết được việc nhận tiền của bà Q và đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân gia đình nên cả hai phải cùng có trách nhiệm trả nợ". Tại phiên toà phúc thẩm, ông Trần Văn B cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhận định của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp hoặc không đúng. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như nhận định trên, quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm hôn nhân và gia đình: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn B phải nộp 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[5] Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B về số tiền chi phí nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng từ tháng 3/2024 đến ngày xét xử là 19 tháng.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 – C, tỉnh Cà Mau.

3. Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 46, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3.1. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận các đương sự cụ thể:

Giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và phần đất có diện tích 108m^2 thuộc thửa số 258, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại đường N19, khu đô thị Bạch Đằng, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm B, phường L) cho bà Nguyễn Thị Kiều Q quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị Kiều Q có nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị căn nhà, đất cho ông Trần Văn B sau khi đã đối trừ 300.812.270 đồng khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam; đối trừ 53.087.000 đồng khoản tiền bà Nguyễn Thị Kiều Q đã thanh toán cho Ngân hàng từ tháng 3/2024 và 76.000.000 đồng chi phí nuôi con trước khi ly hôn. Bà Nguyễn Thị Kiều Q có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn B số tiền 120.100.000 đồng.

3.2. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% đối với số tiền 1.300.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC cho ông Q .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc L. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% đối với số tiền 60.000.000 đồng cho bà L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kiều Q mỗi người phải thanh toán 50% số tiền 20.000.000 đồng cho ông H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí về hôn nhân và gia đình: Ông Trần Văn B phải nộp số tiền 300.000 đồng; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn B phải nộp 300.000 đồng; Án phí dân sự có giá ngạch về chia tài sản chung: Ông Trần Văn B phải nộp 11.500.000 đồng; Án phí về nghĩa vụ phải thanh toán: Ông Trần Văn B phải nộp 44.694.000 đồng. Tổng cộng ông B phải nộp là 56.794.000 đồng. Vào ngày 11/11/2024 ông B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009644 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - C) được đối trừ, ông B còn phải nộp số tiền 56.494.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Án phí dân sự có giá ngạch về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Q phải nộp 11.500.000 đồng; Án phí về nghĩa vụ phải thanh toán: Bà Q phải nộp 44.694.000 đồng. Tổng cộng bà Q phải nộp là 56.194.000 đồng. Ngày 20/8/2025, bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.050.000 đồng theo biên lai thu số 0000061 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ. Bà Q còn phải nộp số tiền 28.144.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam không phải chịu án phí. Ngày 13/5/2025, Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 13.491.000 đồng theo biên lai thu số 0010831 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Cà Mau) được nhận lại toàn bộ. Bà Phạm Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét nhận lại.

3.4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/10/2025, ông B đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000953 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

4. Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 – C;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1 – C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà